| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **19**/2024/DS-ST
Ngày 18/7/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Trần Minh Nhựt**

Ông **Hà Ứng Cương**

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2024/TLST- DS, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST- DS, ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST- DS ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Lý Trí V**, sinh năm 1984 và chị **Trần Thị Kiều L**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Kiều L là anh **Lý Trí V,** sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024).

* Bị đơn: - Anh **Danh N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ H, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

*(Anh V có mặt, anh N và bà T vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lý Trí V nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Kiều L trình bày như sau:***

Vào ngày 28/8/2023 vợ chồng anh chị có cho bà Nguyễn Thị Thu T và anh Danh N vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hai bên có làm hợp đồng được Văn phòng công chứng Ngô Minh T1 chứng thực, thời gian vay là 01 (Một) tháng, lãi suất 0%.

Tuy nhiên đến hết thời gian theo Hợp đồng thì bà Nguyễn Thị Thu T và anh D Nhiều không trả lại số tiền đã vay cho anh chị. Sau đó anh chị có liên lạc bà T, anh N để yêu cầu thanh toán số nợ trên thì bà T, anh N cứ hẹn mà không chịu thanh toán cho ông bà.

Nay anh chị làm đơn này yêu cầu Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và anh Danh N có trách nhiệm trả cho anh chị số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo đúng quy định của Bộ luật dân sự là: 200.000.000đ x 1,666% x 5 tháng =16.660.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là: **216.660.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)**. Ngoài ra, anh chị không yêu cầu gì thêm.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T trình bày như sau:***

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N và bà T như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh N và bà T không đến Tòa án nên không có lời khai.

**** Tại phiên tòa*:**

- Anh Lý Trí V: Yêu cầu anh N và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho anh và chị L số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo đúng quy định của Bộ luật dân sự là: 200.000.000 đồng x 5 tháng x 0,83%/tháng = 8.300.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: **208.300.000 đồng**. Ngoài ra, anh chị không yêu cầu gì thêm.

**- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Trí V và chị Trần Thị Kiều L. Buộc anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lý T2 V và chị Trần Thị Kiều L số tiền vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về chứng cứ:** Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện anh V, chị L đã cung cấp cho Tòa án 01 hợp đồng vay tài sản ngày 28/8/2023 (BL 34-36). Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho anh N và bà Nguyễn Thị Thu T. Nhưng phía anh N và bà Nguyễn Thị Thu T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, có thể khẳng định về chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

**[4] Về nội dung vụ án:** Anh V và chị L yêu cầu buộc anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm liên đới trả cho anh chị số tiền vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo đúng quy định pháp luật.

**[4.1] Về nợ gốc:**

Anh V, chị L yêu cầu anh Danh N và bà T trả số tiền vay 200.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 28/8/2023. Tại phiên tòa hôm nay, anh V xác nhận từ khi vay cho đến nay anh Danh N và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh chị là đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh V, chị L. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 thì anh Danh N và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của anh V, chị L là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, cần buộc anh N và bà T phải trả cho anh V, chị L số tiền vay là 200.00.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

**[4.2] Về lãi suất:** Tại phiên tòa anh V yêu cầu anh N và bà T trả số tiền lãi là 5 tháng với mức lãi suất là 0,83 tháng. Xét hợp đồng vay tài sản ngày 28/8/2023 thể hiện, anh V, chị L cho anh N và bà T vay tiền có thời hạn, không có lãi suất. Do đó, căn cứ theo Điều 470 xác định Hợp đồng vay giữa anh V, chị L với anh N và bà T là hợp đồng vay có kỳ hạn, không lãi suất. Hết thời hạn vay, anh N và bà T không trả nợ cho anh V, chị L nên anh chị yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của anh V.

Lãi suất sẽ được tính từ ngày 28/8/2023 đến ngày 29/01/2024 cụ thể như sau: 200.000.000 đồng x 5 tháng x 0,83%/tháng = 8.300.000 đồng.

Như vậy, anh Danh N và bà T phải trả cho anh V, chị L số tiền lãi là 8.300.000 đồng.

Từ những cơ sở và nhận định trên, buộc anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lý T2 V và chị Trần Thị Kiều L số tiền là 208.300.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 8.300.000 đồng).

**[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[6] Án phí dân sự có giá ngạch:**

**Án phí được tính như sau:** 208.300.000 đồng x 5% = 10.415.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1/** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Trí V và chị Trần Thị Kiều L. Buộc anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lý Trí V và chị Trần Thị Kiều L số tiền là gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 8.300.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản là 208.300.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Lý Trí V và chị Trần Thị Kiều L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng anh N và bà T còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

**2/** Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 10.415.000 đồng (Mười triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Lý Trí V và chị Trần Thị Kiều L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.400.000 đồng theo biên lai số 0007526 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.**3/** Quyền kháng cáo: Anh Lý Trí V và chị Trần Thị Kiều L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Danh N và bà Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án

**Lê Thị Thanh Thảo**